

Deloitte.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Cao Thị Liên	Chủ tịch
Ông Phan Đại Thành	Ủy viên
Ông Lê Ngọc Sơn	Ủy viên
Ông Edwin Harald Burchardt	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Phan Đại Thành	Giám đốc
Ông Bùi Duy Nhị	Phó Giám đốc
Ông Mã Ngọc Kỳ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Bình	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2013)
Ông Vũ Quang Dũng	Phó Giám đốc
Ông Võ Khánh	Phó Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)

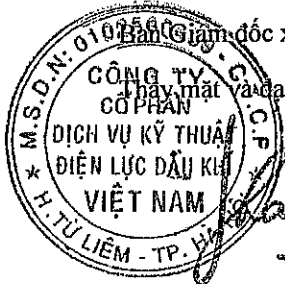
TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Phan Đại Thành đại diện cho Ban Giám đốc,

Phan Đại Thành
Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2014

Số: *103* /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2014, từ trang 4 đến trang 22, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

14/1
T
S
T
A
P.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề lưu ý

Như trình bày tại Thuyết minh số 6 và Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư khoản mục hàng tồn kho và công nợ phải trả của Công ty bao gồm khoảng 1.537 tỷ đồng liên quan đến giá trị vật tư, thiết bị nhập khẩu phục vụ công tác bảo dưỡng Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2. Giá trị hàng tồn kho và công nợ phải trả nêu trên sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp vật tư, thiết bị. Bên cạnh đó, như trình bày tại Thuyết minh số 16 và Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, ngoài phần dịch vụ tự thực hiện, Công ty cũng đang ghi nhận doanh thu cũng như giá vốn liên quan đến dịch vụ nhà thầu phụ OEM và hàng thực thanh - thực chi mà Công ty nhận từ các nhà máy điện sau đó chuyển trả các nhà thầu.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 08 tháng 3 năm 2013 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 3 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1924-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		1.902.982.023.220	2.242.504.973.172
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	100.676.705.334	113.345.918.572
1. Tiền	111		15.647.538.634	12.345.918.572
2. Các khoản tương đương tiền	112		85.029.166.700	101.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		187.763.947.093	337.018.137.016
1. Phải thu khách hàng	131		168.056.106.755	329.296.901.342
2. Trả trước cho người bán	132		19.329.345.785	2.070.800.099
3. Các khoản phải thu khác	135		378.494.553	5.650.435.575
III. Hàng tồn kho	140	6	1.536.934.270.694	1.790.840.333.156
1. Hàng tồn kho	141		1.536.934.270.694	1.790.840.333.156
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		77.607.100.099	1.300.584.428
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.591.501	34.585.328
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		76.259.301.793	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	1.342.206.805	1.265.999.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		49.064.193.960	50.910.742.108
I. Tài sản cố định	220		14.522.733.578	14.960.051.491
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	14.346.814.223	14.957.720.303
- Nguyên giá	222		26.280.449.526	24.267.029.041
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.933.635.303)	(9.309.308.738)
2. Tài sản cố định vô hình	227		175.919.355	2.331.188
- Nguyên giá	228		348.117.750	153.117.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(172.198.395)	(150.786.562)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.401.465.174	5.040.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	9	5.040.000.000	5.040.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(638.534.826)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		30.139.995.208	30.910.690.617
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	29.934.635.208	30.876.690.617
2. Tài sản dài hạn khác	268		205.360.000	34.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.952.046.217.180	2.293.415.715.280

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

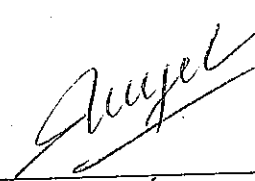
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013


MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		1.767.858.871.006	2.108.786.148.218
I. Nợ ngắn hạn	310		1.767.858.871.006	2.108.786.148.218
1. Phải trả người bán	312	11	1.642.703.529.745	1.982.980.022.194
2. Người mua trả tiền trước	313		105.351.303.003	48.856.096.465
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	3.779.445.234	54.105.807.637
4. Phải trả người lao động	315		7.914.136.938	12.150.911.952
5. Chi phí phải trả	316	13	5.697.599.365	900.405.887
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	1.535.140.185	9.095.847.835
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		877.716.536	697.056.248
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		184.187.346.174	184.629.567.062
I. Vốn chủ sở hữu	410		184.187.346.174	184.629.567.062
1. Vốn điều lệ	411	15	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	15	7.411.761.952	4.673.577.200
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	15	3.479.620.358	2.574.142.339
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	-15-	23.295.963.864	27.381.847.523
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.952.046.217.180	2.293.415.715.280


 Đinh Thùy Lâm
 Người lập biểu

Ngày 14 tháng 3 năm 2014


 Tô Ngọc Tuyết
 Kế toán trưởng


 Phan Đại Thành
 Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.060.606.155.480	1.972.804.216.436
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	16	1.060.606.155.480	1.972.804.216.436
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	999.282.173.080	1.915.998.873.204
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		61.323.982.400	56.805.343.232
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	7.414.898.358	11.965.174.459
6. Chi phí tài chính	22		638.534.826	-
7. Chi phí bán hàng	24		260.742.288	330.177.826
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		36.658.764.595	32.151.667.554
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(24+25))	30		31.180.839.049	36.288.672.311
10. Thu nhập khác	31		-	187.124.387
11. Chi phí khác	32		64.828.157	-
12. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(64.828.157)	187.124.387
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		31.116.010.892	36.475.796.698
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	7.820.047.028	9.093.949.175
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		23.295.963.864	27.381.847.523
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21		1.825


 Đinh Thùy Lâm
 Người lập biểu


 Tô Ngọc Tuyết
 Kế toán trưởng


 Phan Đại Thành
 Giám đốc


Ngày 14 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

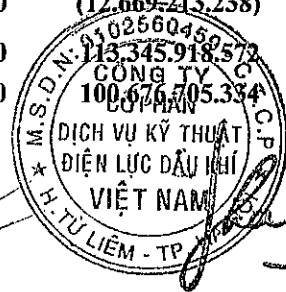
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

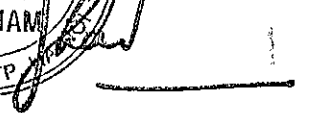
MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	31.116.010.892	36.475.796.698
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.721.486.386	3.698.276.491
Các khoản dự phòng	03	638.534.826	(191.546.014)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(7.414.898.358)	(11.954.480.023)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	28.061.133.746	28.028.047.152
Thay đổi các khoản phải thu	09	73.782.241.217	32.071.363.445
Thay đổi hàng tồn kho	10	253.906.062.462	506.934.733.578
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(341.884.143.917)	(546.219.859.812)
Thay đổi chi phí trả trước	12	971.049.236	561.433.066
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.390.432.889)	(8.076.186.992)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	(2.440.730.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.445.909.855	10.858.799.937
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.855.753.800)	(5.534.615.180)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.629.592.224	11.780.813.356
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.773.838.424	6.246.198.176
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.888.961.517)	(17.026.842.077)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(24.888.961.517)	(17.026.842.077)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(12.669.213.238)	78.156.036
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	113.345.918.572	113.267.762.536
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	100.676.705.334	113.345.918.572


 Đinh Thùy Lâm
 Người lập biểu


 Tô Ngọc Tuyết
 Kế toán trưởng




 Phan Đại Thành
 Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103021005 ngày 27 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 6 ngày 02 tháng 10 năm 2012.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty TNHH Một Thành Viên - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 317 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 318).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là dịch vụ vận hành nhà máy điện; Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan; Kinh doanh vật tư máy móc; Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác; Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp; lắp đặt hệ thống điện; Tư vấn thiết kế, biên dịch, biên soạn tài liệu và các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình); Thi công trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng; Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp; Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác; Đại lý kinh doanh viễn thông; Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa cho các nhà máy điện.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị phần mềm kế toán và phần mềm quản lý (gọi chung là “phần mềm”), được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm hoặc các khoản chi phí có thể đem lại lợi ích kinh tế cho Công ty trên 1 năm.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.124.534.080	875.866.781
Tiền gửi ngân hàng	14.523.004.554	11.470.051.791
Các khoản tương đương tiền (i)	85.029.166.700	101.000.000.000
	<u>100.676.705.334</u>	<u>113.345.918.572</u>

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu (i)	209.285.688.979	104.234.712.969
Công cụ, dụng cụ	3.900.000	53.610.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (ii)	1.327.644.681.715	1.686.552.010.187
	<u>1.536.934.270.694</u>	<u>1.790.840.333.156</u>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>1.536.934.270.694</u>	<u>1.790.840.333.156</u>

(i) Giá trị nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là vật tư, thiết bị nhập khẩu dự phòng phục vụ việc sửa chữa, đại tu các tổ hợp tuabin khí tại Nhà máy điện Cà Mau 1 và Nhà máy điện Cà Mau 2 (thuộc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam) theo hợp đồng bảo trì dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. HÀNG TỒN KHO (Tiếp theo)

- (ii) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang chủ yếu bao gồm các chi phí liên quan đến mua vật tư, thiết bị nhập khẩu và các chi phí phát sinh khác phục vụ việc duy tu, bảo dưỡng Nhà máy điện Cà Mau 1 và Nhà máy điện Cà Mau 2 theo Hợp đồng giữa Công ty với nhà thầu Siemens (Siemen Aktiengesellschaft và Công ty TNHH Siemen Việt Nam).

Số dư các khoản mục hàng tồn kho và công nợ phải trả tương ứng sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp.

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tạm ứng	1.280.600.535	453.076.116
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	61.606.270	812.922.984
	<u>1.342.206.805</u>	<u>1.265.999.100</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quần	Công VND
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	-	4.873.078.468	8.731.026.910	10.662.923.663	24.267.029.041
Mua sắm mới trong năm	131.000.000	3.312.194.949	776.290.909	119.297.273	4.338.783.131
Phân loại sang công cụ, dụng cụ theo Thông tư 45	-	(925.031.056)	-	(1.400.331.590)	(2.325.362.646)
Tại ngày 31/12/2013	<u>131.000.000</u>	<u>7.260.242.361</u>	<u>9.507.317.819</u>	<u>9.381.889.346</u>	<u>26.280.449.526</u>

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2013	-	1.829.682.983	2.397.758.447	5.081.867.308	9.309.308.738
Trích khấu hao trong năm	8.311.586	1.097.041.882	991.386.353	1.603.334.732	3.700.074.553
Phân loại sang công cụ, dụng cụ theo Thông tư 45	-	(409.305.440)	-	(666.442.548)	(1.075.747.988)
Tại ngày 31/12/2013	<u>8.311.586</u>	<u>2.517.419.425</u>	<u>3.389.144.800</u>	<u>6.018.759.492</u>	<u>11.933.635.303</u>

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2013	<u>122.688.414</u>	<u>4.742.822.936</u>	<u>6.118.173.019</u>	<u>3.363.129.854</u>	<u>14.346.814.223</u>
Tại ngày 31/12/2012	-	3.043.395.485	6.333.268.463	5.581.056.355	14.957.720.303

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.511.226.537 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2.104.298.647 VND).

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty là khoản góp vốn 5.040.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí tương ứng 504.000 cổ phần, chiếm 11,9% vốn điều lệ của Công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (i)	27.886.752.778	28.554.638.211
Chi phí khác	2.047.882.430	2.322.052.406
	<u>29.934.635.208</u>	<u>30.876.690.617</u>

- (i) Khoản tiền thuê văn phòng theo Hợp đồng thuê với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên, thuê dài hạn toàn bộ tầng 7, Tòa nhà HH3 Sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày ký hợp đồng, tổng số tiền phải trả là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí thuê nhà tương ứng với thời gian thuê.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Siemens Aktiengesellschaft (i)	1.641.094.201.441	1.878.050.208.357
Công ty TNHH Alstom Việt Nam	-	37.535.328.678
Công ty TNHH Siemens Việt Nam	-	24.408.551.132
Khác	1.609.328.304	42.985.934.027
	<u>1.642.703.529.745</u>	<u>1.982.980.022.194</u>

- (i) Công ty ghi nhận công nợ phải trả với Siemens Aktiengesellschaft trên cơ sở các tờ khai hải quan nhập vật tư thiết bị phục vụ cho việc duy tu, bảo dưỡng Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2 theo Hợp đồng số 0810/CM-LTMP/SIE-PVPS/006 ngày 03 tháng 10 năm 2008 với nhà thầu Siemens (Siemens Aktiengesellschaft và Công ty TNHH Siemens Việt Nam).

Số dư công nợ phải trả và khoản mục hàng tồn kho tương ứng sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	206.480.335	50.186.493.593
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.174.960.026	3.745.345.887
Thuế thu nhập cá nhân	398.004.873	173.968.157
	<u>3.779.445.234</u>	<u>54.105.807.637</u>

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Chi phí tri ân khách hàng	1.043.254.900	-
Phí giám định	707.900.000	-
Chi phí bảo hộ lao động	514.276.500	-
Chi phí phải trả khác	3.432.167.965	900.405.887
	<u>5.697.599.365</u>	<u>900.405.887</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Cổ tức phải trả	316.177.267	4.205.138.784
Khác	1.218.962.918	4.890.709.051
	<u>1.535.140.185</u>	<u>9.095.847.835</u>

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	150.000.000.000	4.198.869.722	2.099.434.861	23.785.031.582
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	27.381.847.523
Phân phối lợi nhuận	-	474.707.478	474.707.478	(23.785.031.582)
Số dư tại ngày 01/01/2013	<u>150.000.000.000</u>	<u>4.673.577.200</u>	<u>2.574.142.339</u>	<u>27.381.847.523</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	23.295.963.864
Chia cổ tức năm 2012 (*)	-	-	-	(21.000.000.000)
Phân phối lợi nhuận (*)	-	2.738.184.752	905.478.019	(6.381.847.523)
Số dư tại ngày 31/12/2013	<u>150.000.000.000</u>	<u>7.411.761.952</u>	<u>3.479.620.358</u>	<u>23.295.963.864</u>

(*) Theo Nghị quyết số 63/2013/NQ/ĐHCEĐ-DKVT ngày 25 tháng 4 năm 2013, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2012 như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính: 905.478.019 VND;
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 2.738.184.752 VND;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 2.738.184.752 VND;
- Chia cổ tức: 21.000.000.000 VND.

Cổ phiếu

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 6 ngày 02 tháng 10 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	76.500.000.000	51	76.500.000.000	76.500.000.000
TYTL Power Service Sdn. Bhd.	27.000.000.000	18	27.000.000.000	27.000.000.000
Cổ đông khác	46.500.000.000	31	46.500.000.000	46.500.000.000
Tổng cộng	150.000.000.000	100	150.000.000.000	150.000.000.000

16. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu nhà thầu phụ OEM (i)	915.653.671.247	1.802.055.058.937
Doanh thu hàng thực thanh thực chi (i)	12.726.741.046	52.453.978.844
Doanh thu Công ty tự thực hiện	132.225.743.187	118.295.178.655
	1.060.606.155.480	1.972.804.216.436

- (i) Đối với các dịch vụ và hàng hóa này, Công ty ghi nhận doanh thu/phải thu với các nhà máy điện liên quan đến dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng mà Công ty là nhà thầu phụ OEM.

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp thể hiện giá vốn của Công ty với các nhà thầu chính thực hiện dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng mà Công ty là nhà thầu phụ OEM và giá vốn tương ứng với doanh thu Công ty tự thực hiện.

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi	7.414.898.358	11.702.480.023
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	252.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	10.694.436
	7.414.898.358	11.965.174.459

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	832.365.335.954	1.640.395.055.363
Chi phí nhân công	55.222.997.952	52.594.930.862
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.721.486.386	3.698.276.491
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.295.794.861	13.418.649.863
Chi phí bằng tiền khác	98.596.064.810	238.373.806.005
	1.036.201.679.963	1.948.480.718.584

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	31.116.010.892	36.475.796.698
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(252.000.000)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ thuế	164.177.220	152.000.000
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	31.280.188.112	36.375.796.698
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.820.047.028	9.093.949.175

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.295.963.864	27.381.847.523
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.553	1.825

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.676.705.334	113.345.918.572
Phải thu khách hàng và phải thu khác	168.434.601.308	334.947.336.917
Đầu tư dài hạn khác	4.401.465.174	5.040.000.000
Các khoản ký quỹ	266.966.270	846.922.984
Tổng cộng	273.779.738.086	454.180.178.473
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.643.019.707.012	1.987.185.160.978
Chi phí phải trả	5.697.599.365	900.405.887
Tổng cộng	1.648.717.306.377	1.988.085.566.865

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty đánh giá rủi ro tỷ giá có khả năng phát sinh là không trọng yếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 23.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.676.705.334	-	100.676.705.334
Phải thu khách hàng và phải thu khác	168.434.601.308	-	168.434.601.308
Đầu tư dài hạn khác	-	4.401.465.174	4.401.465.174
Các khoản ký quỹ	61.606.270	205.360.000	266.966.270
Tổng cộng	269.172.912.912	4.606.825.174	273.779.738.086
31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác (*)	1.643.019.707.012	-	1.643.019.707.012
Chi phí phải trả	5.697.599.365	-	5.697.599.365
Tổng cộng	1.648.717.306.377	-	1.648.717.306.377
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.379.544.393.465)	4.606.825.174	(1.374.937.568.291)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	113.345.918.572	-	113.345.918.572
Phải thu khách hàng và phải thu khác	334.947.336.917	-	334.947.336.917
Đầu tư dài hạn khác	-	5.040.000.000	5.040.000.000
Các khoản ký quỹ	812.922.984	34.000.000	846.922.984
Tổng cộng	449.106.178.473	5.074.000.000	454.180.178.473
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác (*)	1.987.185.160.978	-	1.987.185.160.978
Chi phí phải trả	900.405.887	-	900.405.887
Tổng cộng	1.988.085.566.865	-	1.988.085.566.865
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.538.979.388.392)	5.074.000.000	(1.533.905.388.392)

(*) Khoản phải trả người bán và phải trả khác liên quan đến giá trị vật tư, thiết bị nhập khẩu phục vụ công tác bảo dưỡng Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2 sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp.

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn do khoản phải trả người bán và phải trả khác sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Cùng chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	645.573.489.208	743.968.361.266
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	27.215.034.656	860.929.079.581
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	370.858.285.229	357.036.996.838
Trả cổ tức cho cổ đông		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	10.710.000.000	10.710.000.000
Các cổ đông khác	14.178.961.517	10.290.000.000
Phí quản lý đã trả		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	200.000.000	250.055.818
Thu nhập của Ban Giám đốc	3.840.719.068	4.274.941.310

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	144.301.235.738	151.921.574.750
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	6.268.617.265	166.268.148.657
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	15.385.139.390	6.559.571.059
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn	421.661.907	988.999.418
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	44.140.749	-
Phải trả khác		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	877.985.778
Các cổ đông khác	316.177.267	4.205.138.784
Người mua trả tiền trước		
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	92.768.375.827	22.249.112.628
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	-	25.971.733.837
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	12.582.927.176	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán phát hành ngày 08 tháng 3 năm 2013 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Đinh Thùy Lâm
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 3 năm 2014



Tô Ngọc Tuyết
Kế toán trưởng



Phan Đại Thành
Giám đốc

